

Bản án số: 01/2025/KDTM-PT

Ngày 07/8/2025

V/v “*Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng kinh tế và giải quyết hậu quả hủy Hợp đồng kinh tế*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Toại, ông Vũ Văn Thuận

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi*: Bà Phan Thị Tứ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLPT-KDTM ngày 28/4/2025 về việc “*Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng kinh tế và giải quyết hậu quả hủy Hợp đồng kinh tế*”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2025/KDTM-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum (*nay là Tòa án khu vực 7, tỉnh Quảng Ngãi*) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2025/QĐXX-PT ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH H, Địa chỉ: 01 L, phường Đ, tỉnh Q (*trước đây là phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum*); Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Phúc H.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Ngọc Q, Địa chỉ: 60 T, phường D, tỉnh Gia Lai (*trước đây là phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai*), Có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Kết cấu thép Chi V - CVC, Địa chỉ: Lô 5, đường số 03, KCN Đ - Đ, phường Đ, thành phố Đ (*trước đây là thị xã Đ, tỉnh Q*); Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Quang V - Chức vụ: Tổng giám đốc; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

+ Ông Hoàng Đỗ Thanh N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 17 M, phường H, thành phố Đ (*trước đây là phường H, quận C, thành phố Đ*). Có mặt.

+ Bà Cao Thị Huyền T, sinh năm 1990, chức vụ Kế toán Công ty. Địa chỉ: Lô 5, đường số 03, KCN Đ - Đ, phường Đ, thành phố Đ (*trước đây là thị xã Đ, tỉnh Q*); Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Q (*trước đây là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh K*); Vắng mặt.

+ Ông Phan Văn Quốc H, địa chỉ: Thôn C, xã H, TP. Đ (*trước đây là xã H, huyện H, TP. Đà Nẵng*), Có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền, vụ án được tóm tắt như sau:

***\*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Hiệp Hòa Phát và người đại diện của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 30/11/2021, Công ty TNHH Hiệp Hòa P (*gọi tắt là Công ty Hiệp H*) và Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh K (*nay là Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Q*) ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 12/2021/HĐ-XD Gói thầu thi công xây lắp (cả thiết bị) Dự án Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K, theo Hợp đồng này thì Công ty TNHH H là Nhà thầu chính và được lựa chọn, ký kết hợp đồng hạng mục công việc mang tính kỹ thuật với một số Nhà thầu phụ khác.

Để thi công xây lắp Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (*nay là tỉnh Q*) đúng thời gian và tiến độ thì ngày 12/10/2022, Công ty TNHH H và Công ty CP Kết cấu thép Chi V – CVC (*gọi tắt là Công ty C*) đã ký Hợp đồng kinh tế số 1210/2022/HĐ-CVC-HHP để thực hiện một phần công việc của Gói thầu thi công xây lắp (cả thiết bị) Dự án Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K.

Điều 1 của Hợp đồng thể hiện “*Nội dung công việc: Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện trọn gói gia công và lắp dựng kết cấu thép và phân bao che. Bên B tự cung cấp vật tư, sản xuất, sơn hoàn thiện và vận chuyển đến công trình của Công trình Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K, tại địa điểm: Tp Kon Tum, tỉnh K. Theo yêu cầu bản vẽ thiết kế chi tiết được bên A cung cấp cho Bên B, phương án của chủ đầu tư. Nội dung theo bảng báo giá trọn gói bóc tính trên chi tiết bản vẽ đã được hai bên ký kết (đính kèm)*”.

Như vậy, Công ty C biết rõ 02 vấn đề chính là: 1) Công việc phải thực hiện theo hợp đồng là một phần công việc của Gói thầu thi công xây lắp (cả thiết bị) Dự án Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (*nay là tỉnh Q*) mà Công ty CVC là nhà thầu phụ; 2) Nơi thực hiện hợp đồng: Bên B tự cung cấp vật tư, sản xuất, sơn hoàn thiện và vận chuyển đến công trình Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (*nay là tỉnh Q*), tại địa điểm: Tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum (*Nay là phường K, tỉnh Q*).

Tại Công văn số: 14/2023/CVC-HHP ngày 22/8/2023 và một số công văn trước đó Công ty CVC cho rằng: “*Chúng tôi hoàn toàn không liên quan đến các vấn đề chuyển đổi sang mác thép Q355B theo biên bản xử lý kỹ thuật giữa Công ty H và Chủ đầu tư ban hành ngày 21/7/2023, được Công ty H gửi cho chúng tôi ngày 11/8/2023. Công ty CVC chỉ căn cứ vào báo giá mà H đã gửi cho Công ty C ngày 03/10/2022 có thể hiện rõ mác thép sử dụng là thép SS400 và hợp đồng đã ký kết giữa hai bên vào ngày 12/10/2022*”. Ý kiến này của Công ty C đã mâu thuẫn với hợp đồng kinh tế số: 1210/2022/HĐ-CVC-HHP đã ký kết giữa hai bên vào ngày 12/10/2022.

Do đó, việc hai bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 1210/2022/HĐ-CVC-HHP ngày 12/10/2022 là vì:

- Có sự nhầm lẫn về mác thép và không thống nhất được mác thép để làm vì kèo mái công trình Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (*nay là tỉnh Q*). Công ty H yêu cầu sử dụng mác thép Q355B theo Tiêu chuẩn GB/T 1591-2018 của Trung Quốc thay cho mác thép CCT42 thuộc nhóm CT3 theo tiêu chuẩn TCVN 1765:1975 như Hồ sơ thiết kế được Chủ đầu tư duyệt. Còn Công ty CVC lại sử dụng thép SS400 mà Công ty C cho rằng “*H đã gửi cho chúng tôi ngày 03/10/2022*”.

- Công việc theo thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng chưa được Công ty CVC thực hiện do chưa thống nhất được mác thép và hai bên chưa ký trên “bảng báo giá trọn gói bóc tính trên chi tiết bản vẽ” bắt buộc phải có kèm theo Hợp đồng.

Thời gian thi công theo thỏa thuận tại Hợp đồng và các phụ lục đã hết và hai bên không thể tiếp tục gia hạn thời gian do không thống nhất được mác thép sử dụng.

- Từ những lý do trên, ngày 11/9/2023 Công ty H đã có văn bản gửi Công ty C đề nghị giải quyết các vấn đề sau: Hủy Hợp đồng kinh tế số: 1210/2022/HĐ-CVC-HHP ngày 12/10/2022; Trả lại cho Công ty H số tiền 3.712.777.200 đồng trước ngày 20/9/2023. Tuy nhiên, quá thời hạn đã thông báo nhưng Công ty C không thực hiện, việc này đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền tài sản của Công ty H.

- Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Hợp đồng kinh tế số: 1210/2022/HĐ-CVC-HHP ngày 12/10/2022, giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy Hợp đồng. Yêu cầu Công ty CP Kết cấu thép C trả lại cho Công ty H số tiền 3.712.777.200 đồng; Công ty H hoàn trả lại cho Công ty CVC các hồ sơ, tài liệu, vật tư đã nhận.

***Bị đơn Công ty Cổ phần kết cấu thép C đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ngày 12/10/2022, Công ty TNHH H và Công ty cổ phần kết cấu thép C có ký hợp đồng kinh tế số 1210/2022/HĐ-CVC-HHP để tiến hành thi công hạng mục kết cấu thép che thuộc công trình Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K tại TP. K, tỉnh K (*Nay là phường K, tỉnh Q*). Theo đó, căn cứ Điều 1 Hợp đồng kinh tế nêu trên H là bên giao thầu, Công ty C là bên nhận thầu thi công trọn gói gia công và lắp dựng kết cấu thép và phần bao che bao gồm bên B tự cung cấp vật tư, sản xuất, sơn hoàn thiện và vận chuyển đến chân công trình. Các bên tiến hành tạm ứng 30% giá trị theo như Hợp đồng đã ký kết, sau khi tạm ứng tiền công ty bắt đầu tiến hành công việc theo đúng thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng kinh tế. Bắt đầu sản xuất và có thông báo cho Công ty H theo đúng quy trình thực hiện hợp đồng.

Ngay sau khi nhập vật tư, Công ty C đã gửi thông báo mời nghiệm thu vật liệu đầu vào số 01/2022/TB-CVC mời các bên cùng tham gia nghiệm thu lấy mẫu ngày 26/10/2022; Ngày 27/10/2022 đại diện Công ty H, đại diện chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát đã có mặt tại nhà máy Công ty C để cùng lấy mẫu vật tư. Các bên đã cùng ký xác nhận biên bản lấy mẫu hiện trường có thể hiện rõ mác thép SS400; Ngày 19/12/2022, Công ty H có công văn số 19/CV gửi Công ty C đề nghị gia hạn hợp đồng và có nội dung xác nhận “Chi Việt – CVC đã gia công sản xuất”. Đến ngày 11/05/2023 và ngày 30/05/2023, Công ty C đã gửi thông báo mời nghiệm thu cấu kiện đã sản xuất sau khi chờ đợi Công ty H trong thời gian dài. Tuy nhiên, Công ty H không hợp tác tham gia nghiệm thu đúng các yêu cầu đã thỏa thuận từ đầu giữa hai bên trong việc sử dụng mác thép, xuyên suốt quá trình gia công sản xuất Công ty C luôn đảm bảo làm theo yêu cầu sản xuất. Công ty H cho rằng Công ty C chưa triển khai thực hiện theo hồ sơ thiết kế, đã chậm trễ tiến độ thi công là vô căn cứ, không đúng sự thật và hoàn toàn không có chứng cứ pháp lý kèm theo để chứng minh những vi phạm mà Công ty H đã nêu. Tại khoản 3.1 Điều 3 Giá trị hợp đồng thể hiện giá trị hợp đồng hai bên thỏa thuận là 12.375.924.200 đồng. Giá trị thực mà Công ty Chi Việt thực nhận theo báo giá được Công ty TNHH H cung cấp là 9.676.654.000 đồng (Đây là giá trị được Công ty C tính toán dựa trên số liệu Báo giá mà Công ty H cung cấp với mác thép sử dụng để thi công là SS400), phần chênh lệch

2.699.270.000 đồng bao gồm sẽ được chuyển lại cho Công ty H 1.975.924.000 đồng. Bên cạnh đó, hai bên xác định hình thức hợp đồng là: Trọn gói, đơn giá cố định. Xuất phát từ đơn giá cố định trong báo giá được Công ty H cung cấp cho Công ty C, đây là điều khoản được Công ty H xác định là tiêu chí để phân loại hợp đồng xây dựng. Điều này có thể khẳng định có sự tồn tại của Báo giá trên là sự thật nhưng thực tế Công ty H lại không ký xác nhận Báo giá này.

Tại Điều 10 Hợp đồng kinh tế số 1210/2022/HĐ-CVC-HHP có nêu “*Phụ lục 01 Bản vẽ thiết kế kỹ thuật Bên A cung cấp cho Bên B, theo phương án của chủ đầu tư (được đóng dấu xác nhận của 2 bên)*”. Thực tế, hai bên không ký kết Phụ lục 01 với nội dung này mà là nội dung liên quan đến việc gia hạn tiến độ thực hiện hợp đồng như Công ty C đề cập ở trên. Đến thời điểm hiện tại, hai bên vẫn chưa ký xác nhận bản vẽ thiết kế kỹ thuật là một phần không thể tách rời hợp đồng. Lý giải cho vấn đề này là việc Công ty Hiệp Hòa Phát giao cho Công ty C thi công dự án với mác thép SS400 là hoàn toàn không đúng với sự phê duyệt của chủ đầu tư nên thực tế bản vẽ thiết kế kỹ thuật không được Công ty H giao cho Công ty C theo con đường chính thống. Bản vẽ chỉ được Công ty TNHH H giao cho Công ty C theo hình thức file mềm để ShopDrawing về chi tiết cấu kiện, quy cách vật tư. Ngày 25/10/2022, Công ty Chi Việt có Thông báo số 01/2022/TB-CVC v/v mời nghiệm thu vật liệu đầu vào. Ngày 27/10/2022, các bên tiến hành nghiệm thu vật liệu đầu vào để phục vụ cho dự án Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (*Nay là tỉnh Q*). Thành phần tham gia là đầy đủ các bên liên quan gồm: đại diện ban quản lý dự án, Công ty TNHH MTV XD và TM Kim Minh (tư vấn giám sát), Công ty H, Phòng thí nghiệm LAS-XD 167. Tại mục III. Kết luận: Các loại mẫu thép SS400 được lấy đúng quy cách, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Tại thời điểm này, việc đồng ý cho Công ty C lấy mẫu thép SS400 thể hiện đầy đủ ý chí của Công ty TNHH H giao cho Công ty C thực hiện dự án này với mác thép SS400 chứ không phải là thép CCT42 hay thép Q355B. Xuyên suốt quá trình báo giá, ký hợp đồng và lấy mẫu nghiệm thu vật liệu đầu vào, các bên đều xác định việc dùng mác thép SS400 cho dự án Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (*Nay là tỉnh Q*) là hoàn toàn sự thật, có căn cứ. Nhưng ngày 13/5/2023 Công ty TNHH H có công văn số 12/CV-HHP khẳng định Công ty C làm sai mác thép là không đúng với bản chất vụ việc, không đúng với sự thỏa thuận ngay từ đầu của hai bên. Hành vi của Công ty H thể hiện sự gian dối trong kinh doanh, cố ý hoán đổi vật tư nhằm mưu lợi cá nhân. Ngày 11/5/2023, với thiện chí muốn làm việc hết mình và thực hiện đúng vai trò của bên nhận thầu, Công ty C có Thông báo số 02/TB-CVC-HHP về việc mời Công ty H tiến hành nghiệm thu sản phẩm. Tuy nhiên, phía Công ty TNHH H không phản hồi lại cho Công ty Chi Việt được biết là đã vi phạm trách nhiệm của bên A được quy định tại khoản 6.1 Điều 6 Hợp đồng “Cùng với Bên B nghiệm thu kịp thời và đầy đủ

các công việc đã được bên B thực hiện”. Điều này là việc không thể hiện sự thiện chí của Công ty TNHH H trong việc phối hợp với Công ty C tháo gỡ các vướng mắc.

Đồng thời, căn cứ theo điều 10 về hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có điều kiện cùng Công ty H trong việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng: Lần 1: Gia hạn số 19/CV ngày 19/12/2022 được Công ty H gửi Công ty C Phụ lục gia hạn hợp đồng số 01; Lần 2: gia hạn hợp đồng từ 150 ngày lên 210 ngày theo công văn đề nghị gia hạn số 06/CV ngày 01/03/2023 được Công ty Hiệp Hòa Phát gửi Công ty C (Phụ lục gia hạn hợp đồng số 02; Trong công văn số 10/2023; 11/2023; 12/2023, Công ty Chi Việt liên tiếp đề nghị Công ty H cùng phối hợp tiến hành gia hạn thời gian thực hiện của hợp đồng kinh tế 1210-/2022/HĐ-CVC-HHP. Tuy nhiên, Công ty H từ chối không phối hợp.

Trong công văn số 15/2023 khi nhận được thông tin của H về các vấn đề liên quan đến phê duyệt thay đổi mác thép từ chủ đầu tư Công ty C đã có phản hồi rõ ràng quan điểm của đề khẳng định Công ty C hoàn toàn không sai cũng như không liên quan đến các vấn đề trao đổi giữa H và chủ đầu tư. Đồng thời, cũng nêu rõ quan điểm H là đơn vị tổng thầu trực tiếp ký hợp đồng với chủ đầu tư và cũng biết đây là công trình trọng điểm của Nhà nước nhưng lại có hành vi gian dối, hoán đổi mác thép khác sử dụng để tư lợi cá nhân (có các dẫn chứng công ty H nhờ tìm các tài liệu để hợp thức hóa việc hoán đổi). Công ty C là nhà thầu phụ ký hợp đồng với Công ty H nên mọi vấn đề có liên quan giữa H và chủ đầu tư trong việc hoán đổi mác thép sau khi việc sản xuất đã được Công ty C thực hiện thì hoàn toàn không liên quan cũng không phải do lỗi của Công ty C.

Hành vi tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng đã ký kết trái quy định pháp luật, sau khi Công ty H không đến nhận nghiệm thu cấu kiện đã sản xuất, Công ty H đã tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng kinh tế với Công ty C, việc tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng kinh tế này không được Công ty C đồng ý, không theo điều khoản của Hợp đồng đã ký kết cũng như theo bất kỳ quy định của pháp luật nào được viện dẫn. Do đó, hành vi tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng kinh tế này là vi phạm pháp luật, việc tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng kinh tế gây nhiều thiệt hại cho Công ty C. Hiện nay, Công ty Hiệp Hòa Phát yêu cầu tòa án hủy Hợp đồng kinh tế và giải quyết hậu quả hủy hợp đồng kinh tế hoàn trả lại cho Công ty H số tiền 3.712.777.200 đồng; Công ty H hoàn trả lại cho Công ty C các hồ sơ, tài liệu, vật tư đã nhận thì Công ty C không chấp nhận với những lý do trên, ngoài ra Công ty C không yêu cầu gì thêm, nếu yêu cầu sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- *Sở văn hoá, thể thao và Du lịch tỉnh K (Nay là tỉnh Q)* trình bày: Việc Công ty TNHH H khởi kiện Công ty cổ phần Kết cấu thép C –CVC về hợp đồng kinh tế số 1210/2022/HĐ-CTC-HHP ngày 12/10/2022 về việc thi công một phần công việc của công trình nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (*Nay là tỉnh Q*). Công trình nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (*Nay là tỉnh Q*) do Sở văn hoá, thể thao và Du lịch Kon Tum (*Nay là tỉnh Quảng Ngãi*) là chủ đầu tư, Sở văn hoá, thể thao và du lịch xin vắng mặt và không có ý kiến gì đối với tranh chấp hai Công ty.

- *Ông Phan Văn Quốc H* trình bày: Công ty TNHH H khởi kiện Công ty cổ phần Kết cấu thép C –CVC về hợp đồng kinh tế số 1210/2022/HĐ-CTC-HHP ngày 12/10/2022, ông không có ý kiến gì vì ông không liên quan đối với hai Công ty, việc Công ty cổ phần kết cấu thép Chi Việt cho rằng ông là người trung gian đứng ra thoả thuận về việc thực hiện Hợp đồng kinh tế giữa hai bên, ông không đồng ý vì ông không được uỷ quyền để thực hiện toàn bộ hoặc một phần công việc của Hợp đồng đã ký kết giữa Công ty TNHH H và Công ty cổ phần Kết cấu thép C. Đối với Công ty Chi Việt ông là người trung gian đứng ra đàm phán với công ty H để hai bên ký hợp đồng, còn nội dung Hợp đồng như thế nào ông không biết và không liên quan. Do đó, ông xin vắng mặt tất cả phiên họp và phiên toà xét xử.

***Với nội dung vụ án nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố K (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Q) đã quyết định:***

*Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 271, Điều 273 BLTTDS 2015;*

*Áp dụng Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 423; Điều 425; Điều 427; điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;*

*Áp dụng khoản 6 Điều 292; Điều 297, Điều 306; Điều 312; Điều 314 Luật thương mại 2005;*

**1. Tuyên xử:** Huỷ bỏ toàn bộ Hợp đồng kinh tế số 1210/2022/HĐ-CVC-HHP ngày 12/10/2022 được ký kết giữa Công ty TNHH H và Công ty cổ phần kết cấu thép C.

Giải quyết hậu quả huỷ hợp đồng: Buộc Công ty cổ phần kết cấu thép C hoàn trả lại cho Công ty TNHH H số tiền tạm ứng là 3.712.777.200đ (*Ba tỷ, bảy trăm mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, hai trăm đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố K (*Nay là Tòa án nhân dân*

*khuvực 7, tỉnh Quảng Ngãi)* nhận được đơn kháng cáo đề ngày 01/4/2025 của bị đơn – Công ty cổ phần kết cấu thép Chi Việt-CVC, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Ko (*Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Q*). Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K (*Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Q*) sửa bản án sơ thẩm và tuyên:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 1210/2022/HĐ-CVC-HHP ngày 12/10/2022 giữa Công ty TNHH H và Công ty cổ phần Kết Cấu Thép C do hành vi vi phạm Hợp đồng của Công ty TNHH H;

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc: Buộc Công ty cổ phần Kết Cấu Thép C phải hoàn trả lại số tiền Công ty TNHH H đã tạm ứng là 3.712.777.200 VNĐ (*Ba tỷ bảy trăm mười hai triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện là có cơ sở, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền, người tham gia tố tụng đúng quy định. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2]. Xét kháng cáo toàn bộ bản án, HĐXX thấy rằng:

[2.1]. Hợp đồng kinh tế số: 1210/2022/HĐ-CVC-HHP ngày 12/10/2022, các phụ lục hợp đồng kinh tế số 01/PLHĐ/CVC-HHP ngày 21/12/2022 và Phụ lục Hợp đồng số 02/PLHĐ/CVC-HHP ngày 28/02/2023 giữa Công ty TNHH H và Công ty CP Kết cấu thép C được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, những người thực hiện ký kết hợp đồng đều là đại diện theo pháp luật của

công ty, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự do đó hợp đồng có hiệu lực giữa các bên.

[2.2]. Về nội dung hợp đồng: Tại hợp đồng kinh tế trên có nêu “*nội dung công việc: Bên A (Công ty TNHH H) đồng ý giao, Bên B (Công ty cổ phần thép Chi Việt (viết tắt CVC) đồng ý nhận thực hiện trọn gói gia công và lắp dựng kết cấu thép và phần bao che. Bên B tự cung cấp vật tư, sản xuất, sơn hoàn thiện và vận chuyển đến Công trình Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh Kon Tum, tại địa điểm: Tp K, tỉnh K. Theo yêu cầu bản vẽ thiết kế chi tiết được bên A cung cấp cho Bên B, phương án của chủ đầu tư. Nội dung theo bảng báo giá trọn gói bóc tính trên chi tiết bản vẽ đã được hai bên ký kết*”.

Căn cứ điều khoản trên thấy rằng mục đích giao kết của hợp đồng trên nhằm thực hiện một phần Công trình Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (Nay là tỉnh Quảng Ngãi) mà Công ty TNHH H đã nhận thầu từ chủ đầu tư Sở văn hoá, thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi); do đó việc xác định sử dụng thép loại nào, mức thép bao nhiêu, và việc thay đổi mức thép cả hai công ty đều phải thực hiện đúng theo yêu cầu của chủ đầu tư đặt ra.

[2.3]. Về việc thỏa thuận mức thép giữa hai công ty:

[2.3.1]. Trong hợp đồng, hai bên không thỏa thuận mức thép cụ thể bao nhiêu mà chỉ thỏa thuận thực hiện theo bản vẽ thiết kế chi tiết được bên Công ty H cung cấp cho Công ty C. Căn cứ bản thiết kế công trình xây dựng nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (Nay là tỉnh Quảng Ngãi) thể hiện kết cấu tổ hợp nhóm CT3 có mức thép CCT42, ngoài ra không có văn bản nào thể hiện sử dụng mức thép SS400 để thi công Công trình.

Về chứng cứ là đoạn tin nhắn giữa giữa tài khoản có tên “H bạn H” gửi cho tài khoản tên “V” do Công ty C cung cấp, thấy rằng đây chỉ là một bản ảnh, không có dấu của Công ty H, người liên quan anh Phan Quốc H không phải là người của Công ty H, không được ủy quyền để trao đổi giữa hai bên về việc thực hiện hợp đồng, bị đơn không thừa nhận có báo giá này nên tài liệu này không có cơ sở chứng minh giữa hai công ty có thỏa thuận sử dụng mức thép SS400 để thi công Công trình.

[2.3.2]. Về nghiệm thu vật liệu: Bị đơn Công ty C trình bày ngày 27/10/2022, Công ty C cùng Công ty H, đại diện chủ đầu tư và đại diện tư vấn giám sát đã thực hiện lấy mẫu hiện lấy mẫu vật tư, biên bản lấy mẫu thể hiện rõ mức thép SS400 nên cho rằng đây là chứng cứ chứng minh thỏa thuận giữa hai công ty là mức thép SS400 như báo giá gửi qua zalo, đồng thời căn cứ biên bản này cho rằng chủ đầu tư và Công ty H đã đồng ý dùng thép này để thi công. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 25/10/2022, Công ty C có thông báo số 11/2022/TB-CVC về việc mời ban lãnh đạo Công ty H đến nghiệm thu vật liệu đầu vào tại nhà máy của Công ty c; cùng ngày Công ty H đã có thông báo số 01/TB-HHP gửi Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh K (*Nay là tỉnh Q*), Ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn giám sát tham gia cùng vào buổi nghiệm thu vật liệu đầu vào. Đến ngày 27/10/2022, các bên đã đến nhà máy của Công ty C để lấy mẫu nghiệm thu, và các bên đã lập biên bản số 03/YCNT/27-10-2022 ngày 27/10/2022, biên bản này là **“biên bản nhận mẫu thử nghiệm”**, giữa đại diện đơn vị gửi mẫu là ông Hoàng Thanh Đ và bên nhận mẫu để mang về thí nghiệm là Công ty TNHH Vật tư khoa học kỹ thuật. Như vậy, biên bản này không phải biên bản thỏa thuận giữa các bên về việc sử dụng mác thép SS400 để dùng cho công trình, mà chỉ là lấy mẫu về để thí nghiệm xem thép này có đạt chuẩn để sử dụng hay không, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện tại buổi làm việc các bên thống nhất sử dụng mác thép SS400 mà Công ty C đang có tại nhà máy.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày để xác định được loại thép có được sử dụng hay không cần phải thử nghiệm đầu vào, tức là thép phải được thí nghiệm mác thép, các bên đồng ý thì Công ty C mới sản xuất, đại diện Công ty C cũng thừa nhận chưa nhận được văn bản nào của Công ty H về việc đồng ý sử dụng mác thép SS400 sau khi có kết quả thí nghiệm, do đó việc Công ty C tự ý dùng thép SS400 mà chưa có sự đồng ý của Công ty H là sai quy trình.

Hơn nữa, tại biên bản thể hiện rõ mẫu được lấy thuộc mác thép SS400, không phải loại thép theo yêu cầu kỹ thuật trong bản vẽ thiết kế, nếu thật sự Công ty H có hành vi cấu kết với công ty C để thay đổi mác thép nhằm hưởng lợi chênh lệch giá theo lời khai của bị đơn thì tại buổi lấy mẫu thử nghiệm 27/10/2022 có sự tham gia của đại diện của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn giám sát thì việc ghi rõ mác thép SS400, khác với yêu cầu mác thép CCT42 là không phù hợp, một lần nữa khẳng định buổi làm việc chỉ mẫu thử nghiệm để xem mác thép SS400 có phù hợp để thay thế mác thép trong bản vẽ hay không, chứ không phải các bên đã đồng ý sử dụng mác thép SS400.

[2.3.3]. Về việc trao đổi tìm kiếm tài liệu về mác thép CCT42 theo tiêu chuẩn TCVN 1765:1975 và mác thép Q355B theo tiêu chuẩn GB/T 1591-2018 của Trung Quốc. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty C cho rằng phía công ty H yêu cầu Công ty C tìm các tài liệu về hai loại thép kia nhằm gian dối với chủ đầu tư. Tuy nhiên HĐXX thấy rằng việc cung cấp đầy đủ các tài liệu về nguyên liệu là nghĩa vụ của hai công ty đối với chủ đầu tư, để chủ đầu tư có căn cứ xem xét việc đồng ý thay đổi mác thép hay không, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn tìm các tài liệu nêu trên là phù hợp.

[2.4]. Về việc giao bản vẽ thiết kế: Công ty C trình bày tại hợp đồng kinh tế, hai bên đã thỏa thuận Công ty H phải gửi bản vẽ kỹ thuật cho Công ty C theo phương án của chủ đầu tư, được đóng dấu xác nhận của hai bên, nhưng Công ty C khai chưa nhận được bản giấy, mà chỉ mới nhận được file mềm để ShopDrowing về chi tiết cấu kiện, vật tư; thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Công ty C thừa nhận hai bên không ký kết hồ sơ thiết kế nào khác ngoài hồ sơ thiết kế đã được chủ đầu tư phê duyệt, Công ty C cho rằng chưa nhận được bản giấy của hồ sơ thiết kế mà chỉ mới nhận được file mềm để ShopDrowing nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận, và tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tại nhà máy của Công ty C thể hiện các cấu kiện đã được thực hiện, do đó có cơ sở xác định Công ty C đã có bản vẽ để thực hiện các cấu kiện theo thỏa thuận của hợp đồng.

[2.5]. Về ý kiến của bị đơn Công ty C cho rằng bị đơn đã thực hiện được một phần công việc về việc định vị bulong theo biên bản nghiệm thu ngày 22/12/2022, sau đó hai bên đã ký kết gia hạn hợp đồng, bị đơn đã làm văn bản mời nguyên đơn đến nghiệm thu các cấu kiện đã gia công sản xuất vào các ngày 13/5/2023, 01/6/2023 nhưng bị đơn vẫn cố tình không đến thực hiện nghiệm thu. HĐXX Thấy rằng: Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Nguyên đơn đã tìm hiểu và được biết trên thị trường Việt Nam thời điểm đó không có mác thép CCT42 theo tiêu chuẩn TCVN 1765:1975 theo như thiết kế, căn cứ các đoạn tin nhắn giữa hai bên và lời khai của các đương sự thể hiện bị đơn cũng biết việc này và cũng đang tìm tài liệu về mác thép khác là Q355B theo tiêu chuẩn GB/T 1591-2018 của Trung Quốc để xem xét thay đổi mác thép. Nhận định tại mục [2.2] đã kết luận hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn nhằm thực hiện một phần Công trình Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh K (*Nay là tỉnh Q*), và việc thay đổi mác thép phải được sự đồng ý của chủ đầu tư. Đến ngày 21/7/2023, giữa Công ty H và Chủ đầu tư mới họp và ban hành biên bản xử lý kỹ thuật về việc thống nhất thay đổi mác thép từ CCT42 sang Q355B, do đó việc Công ty thép C tự ý dùng mác theo SS400 để thi công trước khi có sự thống nhất của chủ đầu tư là vi phạm nghĩa vụ.

[3]. Tại Điều 6.2 của hợp đồng quy định trách nhiệm của Công ty Chi Việt là thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã thống nhất giữa hai bên, đạt chất lượng và kịp tiến độ đã đề ra. Tại Điều 7 và mục 7.1 của Hợp đồng kinh tế quy định “*Nếu bên B không cung cấp đúng chủng loại vật tư yêu cầu và bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng*”. Do đó, căn cứ quy định trên và nhận định tại mục [2] thì Công ty H yêu cầu Hủy Hợp đồng kinh tế số: 1210/2022/HĐ-CVC-HHP ngày 12/10/2022 là có căn cứ đúng pháp luật.

Do hợp đồng bị hủy, lỗi do Công ty C chưa cung cấp được đúng chủng loại vật tư theo yêu cầu, căn cứ khoản 2 Điều 314 Luật thương mại, Công ty H yêu cầu Công ty C trả lại số tiền đã nhận tạm ứng 3.712.777.200 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Kết cấu thép C

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn Công ty cổ phần Kết cấu thép C phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 30, 38, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Kết cấu thép C. Giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố K (*nay là Tòa án khu vực 7, tỉnh Quảng Ngãi*).

2. Áp dụng Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 423; Điều 425; Điều 427; điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 6 Điều 292; Điều 297, Điều 306; Điều 312; Điều 314 Luật thương mại 2005;

**Tuyên xử:** Huỷ bỏ toàn bộ Hợp đồng kinh tế số 1210/2022/HĐ-CVC-HHP ngày 12/10/2022 được ký kết giữa Công ty TNHH H và Công ty cổ phần kết cấu thép C.

Giải quyết hậu quả huỷ hợp đồng: Buộc Công ty cổ phần Kết cấu thép Chi Việt - CVC hoàn trả lại cho Công ty TNHH H số tiền tạm ứng là 3.712.777.200đ (*Ba tỷ, bảy trăm mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, hai trăm đồng*).

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.*

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, phúc thẩm: Căn cứ các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Hiệp Hoà Phát không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho Công ty TNHH H số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 53.127.000đ (*Năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000518 ngày 17/10/2023 nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (*nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 7 - Quảng Ngãi*)

- Công ty cổ phần Kết cấu thép C phải chịu 106.255.544đ (Một trăm linh sáu triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng).

3.2. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty cổ phần kết cấu thép C phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng, được trừ theo các biên lai tạm ứng án phí số 0000429 ngày 15/4/2025 (300.000 đồng) và biên lai số 0000438 ngày 21/4/2025 (1.700.000 đồng) của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố K (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 7 - Quảng Ngãi). Công ty cổ phần Kết cấu thép C đã nộp đủ án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS KV7 tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV7 tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND KV7 tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hành**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÂM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**